TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 37/2025/HS-ST Ngày 29 - 10 - 2025	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Công Điện;
Ông Nguyễn Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Cẩm Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2025/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Trần Thanh B, sinh ngày 13 tháng 12 năm 1997; nơi sinh: Huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là thành phố Cần Thơ); nơi cư trú: ấp T, xã L, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hoàng S, và bà Nguyễn Thị K; có vợ là Nguyễn Hoàng N (sống chung như vợ chồng), và 01 người con (sinh năm 2014); tiền án: Không; tiền sự: 01 tiền sự (ngày 06/3/2024, bị Công an huyện M, tỉnh Sóc Trăng (cũ) xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý, theo Quyết định số 23/QĐ-XPHC, chấp hành xong ngày 06/3/2024); nhân thân: Ngày 03/7/2024, bị Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (cũ) áp dụng biện pháp cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng từ ngày 03/7/2024 đến ngày 03/7/2025, theo Quyết định số 19/QĐ-UBND; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12 tháng 9 năm 2024 cho đến nay. Có mặt.

2. Võ Văn M, sinh ngày 06 tháng 02 năm 1990; nơi sinh: Huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là thành phố Cần Thơ); nơi cư trú: ấp T, xã L, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính:

Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn H (chết), và bà Nguyễn Thị O (chết); có vợ là Thạch Thị Kim Y (đã ly hôn), và 01 người con (sinh năm 2015); tiền án: Không; tiền sự: 01 tiền sự (ngày 08/7/2024, bị Công an huyện M, tỉnh Sóc Trăng (cũ) xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý, theo Quyết định số 83/QĐ-XPHC, chấp hành xong ngày 10/7/2024); nhân thân: Ngày 25/6/2024, bị Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (cũ) áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma tuý với thời hạn 01 năm, theo Quyết định số 21/QĐ-UBND; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10 tháng 9 năm 2024 cho đến nay. Có mặt.

3. Nguyễn Văn T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1993; nơi sinh: Huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là thành phố Cần Thơ); nơi cư trú: ấp M, xã L, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P, và bà Nguyễn Thị Mỹ H1; có vợ là Lê Thị L, và 01 người con (sinh năm 2022); tiền án: Không; tiền sự: 01 tiền sự (ngày 08/7/2024, bị Công an huyện M, tỉnh Sóc Trăng (cũ) xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý, theo Quyết định số 86/QĐ-XPHC, chưa chấp hành); nhân thân: Ngày 25/6/2024, bị Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (cũ) áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma tuý với thời hạn 01 năm, theo Quyết định số 22/QĐ-UBND; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10 tháng 8 năm 2024 cho đến nay. Có mặt.

- *Bị hại*: Nguyễn Hữu N1, sinh năm 1988

Địa chỉ thường trú: Số A H, phường A, thành phố Cần Thơ; nơi ở hiện tại: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

Diệp Thị K1, sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp T, xã L, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Nguyễn Thị Đ. Vắng mặt.

2. Phạm Tuấn K2. Vắng mặt.

3. Phạm Thanh T1. Có mặt.

4. Sơn Minh H2. Vắng mặt.

5. Chao Văn T2. Vắng mặt.

6. Nguyễn Văn T3. Vắng mặt.

7. Hà Thị Thu T4. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do trước đó ông Nguyễn Hữu N1 nợ Phạm Tuấn K2 số tiền 537.374.000 đồng, K2 nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông N1 không trả nên vào khoảng tháng 6 năm 2024, thông qua mối quan hệ xã hội, K2 gặp người tên T5 (không rõ lai lịch) tại quán C, đường L, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng để nhờ T5 đòi nợ. Sau đó, T5 kêu Trần Thanh B, Nguyễn Văn T và Võ Văn M nhiều lần đến nhà ông N1 để đưa giấy nợ và đòi tiền.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 09 tháng 8 năm 2024, T5 điện thoại cho B kêu qua nhà N1 lấy tiền, B điều khiển xe mô tô hiệu Vision, biển số 83M1-042.04 rước M và T cùng đi đến nhà ông N1. Khi đến nhà ông N1, B yêu cầu ông N1 phải trả trước 10.000.000 đồng, ông N1 không trả mà điện thoại cho T5 xin đến ngày 20 tháng 8 năm 2024 sẽ trả tiền, nhưng T5 không đồng ý. B nghe T5 nói không đồng ý nên kêu T đưa cây dao bấm cho B rồi dùng cây dao bấm kề cổ ông N1 và nói "Giờ tôi đâm ông vài nhát rồi bỏ tiền được không", ông N1 nói "Từ từ em ơi, từ từ nói" rồi tiếp tục điện thoại cho T5 hứa hẹn đến ngày 20 tháng 8 năm 2024 sẽ trả tiền, nhưng T5 không đồng ý rồi tắt điện thoại. Lúc này B nói T5 không cho nợ, nếu ông N1 không đưa tiền thì B lấy xe, M cũng kêu lấy xe ngày mai ông N1 trả tiền thì lấy xe về nhưng ông N1 không đồng ý. B kêu T vào nhà ông N1 dẫn xe mô tô hiệu Future 125, biển kiểm soát 95E1-191.22 ra tới cửa nhà thì ông N1 nói là xe của thằng em nên rút chìa khóa xe không cho lấy, B lấy dao bấm kề cổ ông N1 và đe dọa "ông giỡn mặt với tôi hả", ông N1 kêu B lấy CPU máy vi tính trừ nợ nhưng B không chịu và giật lấy chìa khóa xe trên tay ông N1 đưa cho T chạy xe về, B điều khiển xe mô tô hiệu Vision chở M chạy theo T, trên đường đi B làm rớt mất cây dao bấm.

Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô của ông N1, B, M và T đến tiệm cầm đồ Nguyễn H3 tại xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã L, thành phố Cần Thơ) do bà Diệp Thị K1 làm chủ để cầm xe với giá 5.000.000 đồng. Sau đó, B chở T đi mua 600.000 đồng ma túy về sử dụng chung, cho T 400.000 đồng, chuyển vào tài khoản của B 4.000.000 đồng để nạp tiền game và thua hết.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2024, ông N1 đến Công an thị trấn B (nay là Công an xã T) trình báo sự việc.

Quá trình điều tra, B, T và M thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. B khai nhận việc dùng dao kề cổ N1 nhằm chiếm đoạt xe mô tô hiệu Future 125, biển kiểm soát 95E1-191.22 là do Bình tự thực hiện và có sự giúp sức của T, M, không có trao đổi, bàn bạc với T5; T5 cũng không biết việc B, T và M lấy xe của N1, không hưởng lợi từ số tiền cầm xe mô tô của ông N1; T và M thừa nhận hành vi giúp sức cho B lấy xe mô tô của N1, việc đi đòi nợ ông Nghĩa L1 do B rủ nên đi theo giúp, không có liên hệ với T5.

Ông Phạm Tuấn K2 khai nhận: Không biết nhân thân, lai lịch của T5, do thông qua quan hệ xã hội nên gặp và nhờ T5 đến nhà ông N1 đòi nợ, giữa ông K2 và T5 không có trao đổi, bàn bạc về việc lấy tiền của ông N1 như thế nào, việc B, T và M đe dọa, lấy xe của ông N1 thì ông K2 không biết, không được hưởng lợi từ số tiền cầm xe.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐGTS ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện P, tỉnh Hậu Giang (cũ) kết luận giá trị chiếc xe mô tô hiệu Future 125, biển kiểm soát 95E1-191.22 màu đen vàng nâu, đã qua sử dụng là 11.333.000 đồng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án được Cơ quan điều tra xử lý như sau:

- Trả cho ông Nguyễn Hữu N1 01 xe mô tô nhãn hiệu Future, biển kiểm soát 95E1-191.22, đã qua sử dụng; trả cho ông Nguyễn Văn S1 01 giấy đăng ký xe mô tô tên Nguyễn Văn S1.

- Chuyển đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 - Cần Thơ: 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu vàng gold, đã qua sử dụng.

Tại Cáo trạng số 23/CT-VKS-KV13 ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ, đã truy tố các bị cáo Trần Thanh B, Võ Văn M và Nguyễn Văn T về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo Cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ phạm tội; nhân thân; các tình giảm nhẹ đối với các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thanh B, Võ Văn M và Nguyễn Văn T phạm tội "Cướp tài sản".

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Trần Thanh B từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù;

Xử phạt bị cáo Võ Văn M từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

3. Về trách nhiệm dân sự: Đã giao trả tài sản cho bị hại xong; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên đề nghị không đặt ra xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; giao trả cho bị cáo Võ Văn M 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu vàng gold, đã qua sử dụng.

- Các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại vắng mặt tại phiên toà nên không có lời trình bày.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền cầm đồ là 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Xét bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường nên việc vắng mặt của bị hại không gây trở ngại cho việc xét xử, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời thừa nhận của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án. Từ đó, đã có cơ sở kết luận:

Do trước đó bị hại Nguyễn Hữu N1 nợ tiền của ông Phạm Tuấn K2, ông K2 đã nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng bị hại không trả nên ông K2 nhờ một người tên T5 đòi nợ dùm và được T5 đồng ý. Sau đó, T5 kêu các bị cáo Trần Thanh B, Võ Văn M và Nguyễn Văn T nhiều lần đến nhà bị hại để đòi nợ. Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 09 tháng 8 năm 2024, các bị cáo tiếp tục đến nhà bị hại để đòi nợ nhưng bị hại không trả nên bị cáo B dùng dao bấm kề vào cổ bị hại đe dọa nhằm lấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 95E1-191.22 của bị hại, đồng thời giật lấy chìa khóa xe trên tay bị hại và đưa cho bị cáo T chạy xe về, bị cáo B điều khiển xe mô tô hiệu Vision chở bị cáo M chạy theo T.

Sau khi khi chiếm đoạt được tài sản, các bị cáo đem cầm cho bà Diệp Thị K1 lấy số tiền 5.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Hành vi trên của các bị cáo là sử dụng vũ khí (dao bấm) kề vào cổ của bị hại để đe doạ sẽ dùng vũ lực ngay tức khắc, làm cho bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự được, nhằm chiếm đoạt tài sản của của bị hại, đồng thời đã

chiếm đoạt tài sản trị giá 11.333.000 đồng; cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Do đó, hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp tài sản" với tình tiết định khung tăng nặng là "Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh, trật tự tại địa phương; phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất đồng phạm, giữ các vai trò cầm đầu, thực hành và giúp sức, nhưng tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ, trong đó:

Bị cáo B vừa là người cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện hành vi phạm tội, vừa là người thực hành. Bị cáo là người trực tiếp liên lạc với T5 để nhận sự chỉ đạo của T5 về cách thức đòi nợ; sử dụng dao bấm kề vào cổ của bị hại đe doạ sẽ dùng vũ lực ngay tức khắc nhằm chiếm đoạt tài sản; trực tiếp giật lấy chìa khoá xe mô tô của bị hại rồi chỉ đạo bị cáo T lấy xe chạy về. Sau khi chiếm đoạt được tài sản và đem cầm cố lấy số tiền 5.000.000 đồng, bị cáo là người trực tiếp quản lý và định đoạt.

Bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người thực hành, đưa cây dao bấm cho bị cáo B để bị cáo B sử dụng đe doạ bị hại, trực tiếp chiếm đoạt chiếc xe của bị hại và chạy về theo sự chỉ đạo của bị cáo B.

Do đó, tính chất, mức độ phạm tội và vai trò đồng phạm của bị cáo B cao hơn so với bị cáo T.

Bị cáo M thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người giúp sức, cùng bị cáo B và bị cáo T đi đến nhà bị hại để đòi nợ; giúp sức cho bị cáo B và bị cáo T về mặt tinh thần, không trực tiếp đe doạ dùng vũ lực, không trực tiếp chiếm đoạt tài sản của bị hại mà thống nhất ý chí cùng thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, tính chất, mức độ phạm tội và vai trò đồng phạm của bị cáo M thấp hơn bị cáo B và bị cáo T; có vị trí, vai trò đồng phạm thứ yếu, không đáng kể.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình điều tra, bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên cho các bị cáo cùng được hưởng 01tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T có ông nội là người có công với cách mạng nên cho bị cáo hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[7] Từ những phân tích về tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ cũng như nhân thân của các bị cáo; xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đồng thời các bị cáo đều là người có nhân thân xấu (đều có 01 tiền sự và 01 lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính) nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn nghiêm khắc, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục các bị cáo. Trong đó:

Bị cáo B và bị cáo T cùng thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người thực hành, nhưng bị cáo B vừa có vai trò thực hành tích cực, vừa là người cầm đầu, chỉ huy; bị cáo T tuy là người thực hành nhưng thực hiện việc chiếm đoạt tài sản theo sự chỉ đạo của bị cáo B. Đồng thời, bị cáo T được hưởng nhiều hơn bị cáo B 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo B cao hơn bị cáo T.

Bị cáo M thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người giúp sức, thống nhất về mặt ý chí nhưng không hành động; giữ vị trí, vai trò đồng phạm thứ yếu, không đáng kể nên cần xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo.

Do đó, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp, đúng tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, có căn cứ chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được trao trả tài sản bị chiếm đoạt xong và không có yêu cầu bồi thường; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Diệp Thị K1 không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền cầm đồ là 5.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về vật chứng: Vật chứng thu giữ trong vụ án là chiếc điện thoại di động hiệu Oppo, màu vàng gold, đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo Võ Văn M, không liên quan đến hành vi phạm tội nên giao trả lại cho bị cáo.

[10] Về các vấn đề khác:

Đối với đối tượng tên T5 có dấu hiệu đồng phạm với các bị cáo. Tuy nhiên do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ, nếu có căn cứ chứng minh hành vi phạm tội sẽ được giải quyết bằng vụ án khác là có căn cứ. Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra có thẩm quyền tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ hành vi của đối tượng tên T5 và tiến hành giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với việc ông Phạm Tuấn K2 nhờ đối tượng tên T5 đòi nợ bị hại, nhưng không chứng minh được ông K2 có tác động, chỉ đạo hay yêu cầu chiếm đoạt tài sản của bị hại để trừ nợ nên cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Phạm Tuấn K2 là có căn cứ.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thanh B, Nguyễn Văn T và Võ Văn M phạm tội "Cướp tài sản".

2. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Thanh B 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 12 tháng 9 năm 2024;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 10 tháng 8 năm 2024;

Xử phạt bị cáo Võ Văn M 07 (bảy) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu, không xem xét.

4. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Giao trả cho bị cáo Võ Văn M 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu vàng gold, đã qua sử dụng (Vật chứng đã được chuyển giao cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 - Cần Thơ theo Quyết định chuyển vật chứng số: 15/QĐ-VKS-KV13 ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ.

5. Về án phí: Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Các bị cáo Trần Thanh B, Nguyễn Văn T và Võ Văn M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Các bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa được

quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ;
- CA TP. Cần Thơ (CQĐT, PV06, PC10);
- VKSND khu vực 13 - Cần Thơ
- THADS thành phố Cần Thơ;
- CA xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Hữu Thắng